CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP VICEM Bao bì Bút Sơn

Ngày 30/09/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**8.8%**

DT thuần
Q3/25
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 4.0%
YoY: ▲ 50.9| 71.1%

LN thuần
Q3/25
2.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.17| 8.0%
YoY: ▲ 1.54| 208%

LN sau thuế
Q3/25
1.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.15| 8.7%
YoY: ▲ 2.27| 567%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q3/25
5.9%
YoY: +/-▲ 2.2%

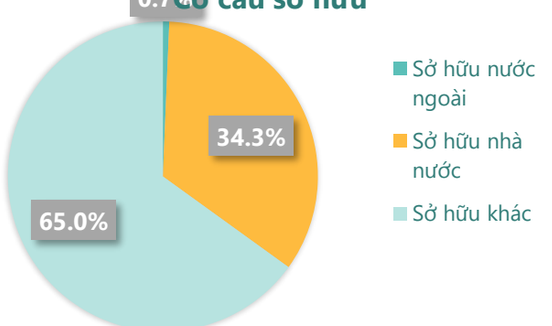
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,794 - 20,581
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
Số lượng CPLH (CP)	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	410
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.17
EPS	1,055
P/E	11.1

DT thuần
9T 2025
342
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 38.0%

LN thuần
9T 2025
5.91
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.16| -16.3%

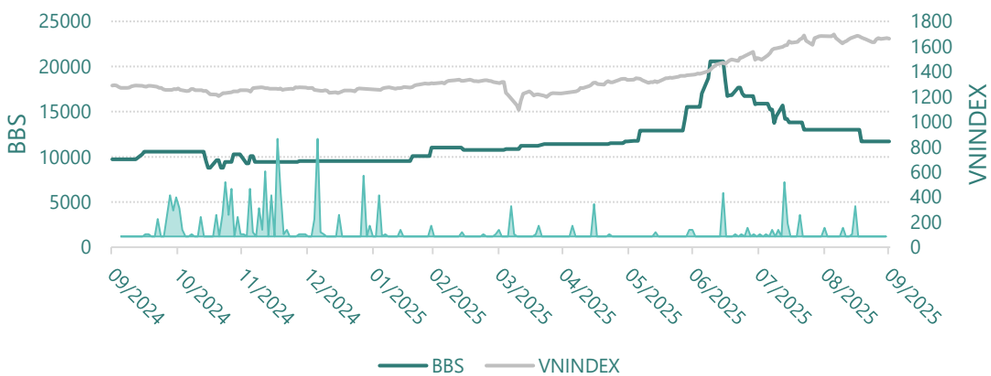
LN sau thuế
9T 2025
4.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.14| 3.1%

Cơ cấu sở hữu

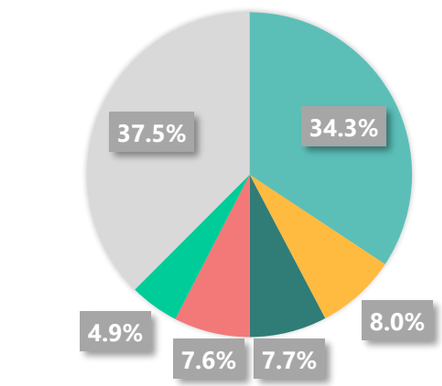


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



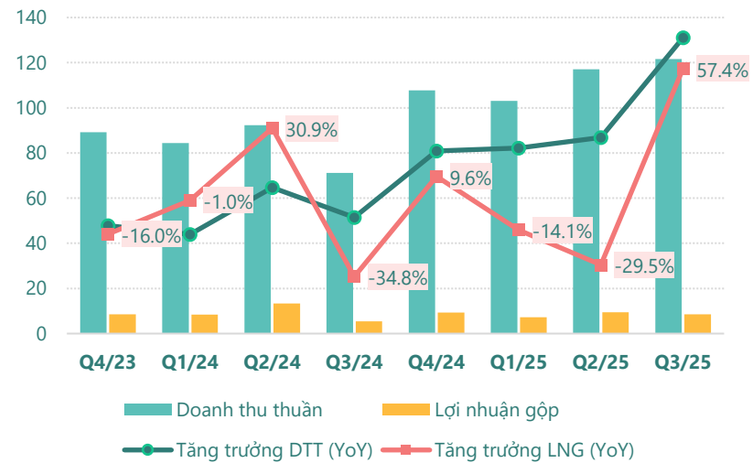
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

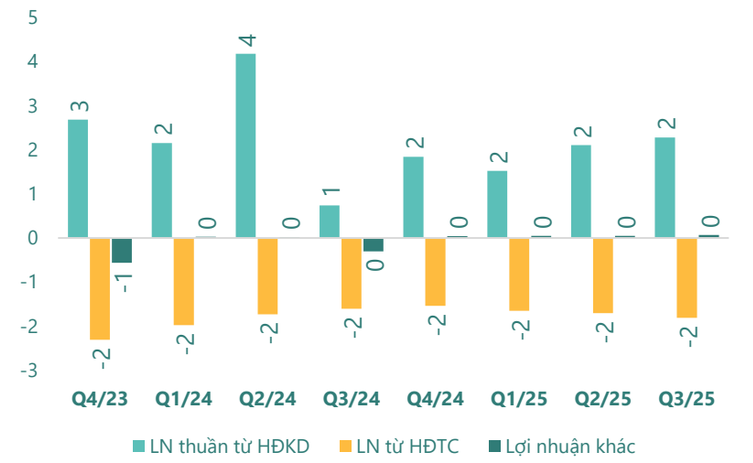
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



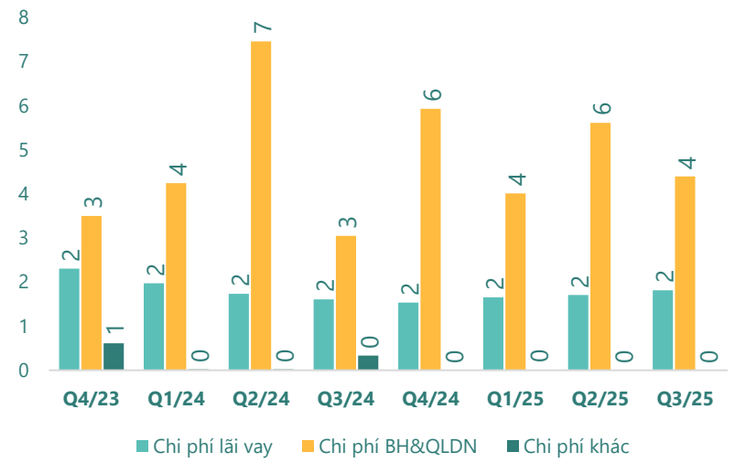
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



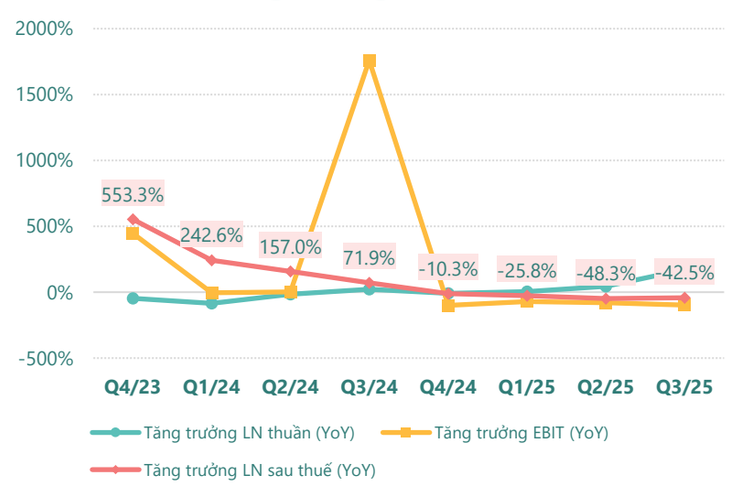
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



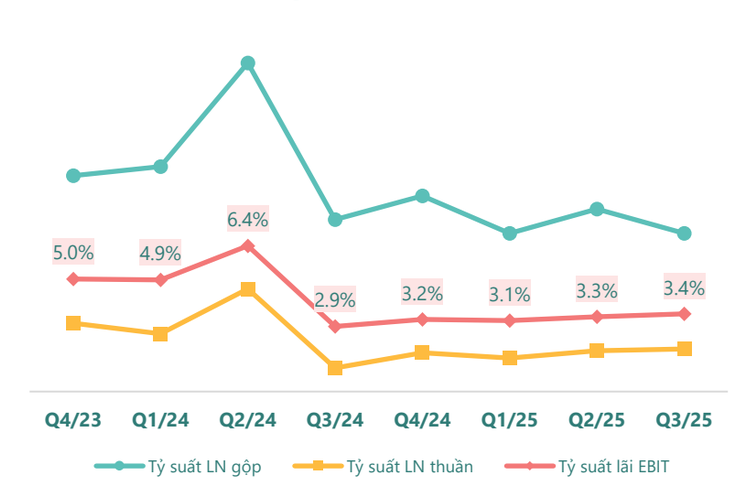
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



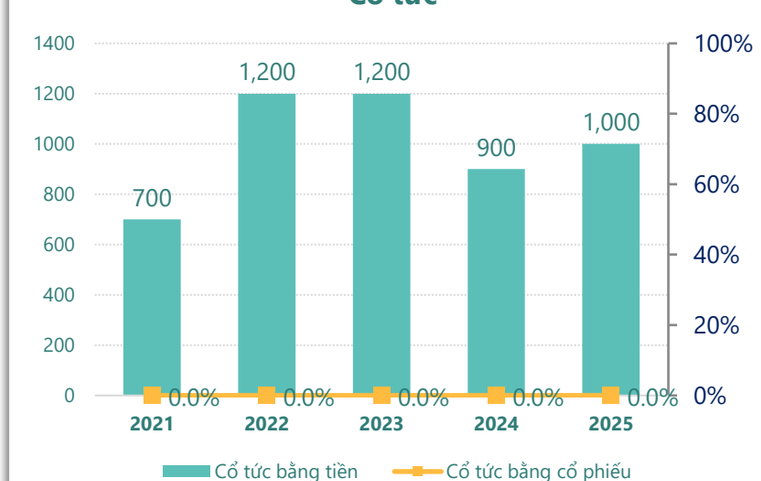
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

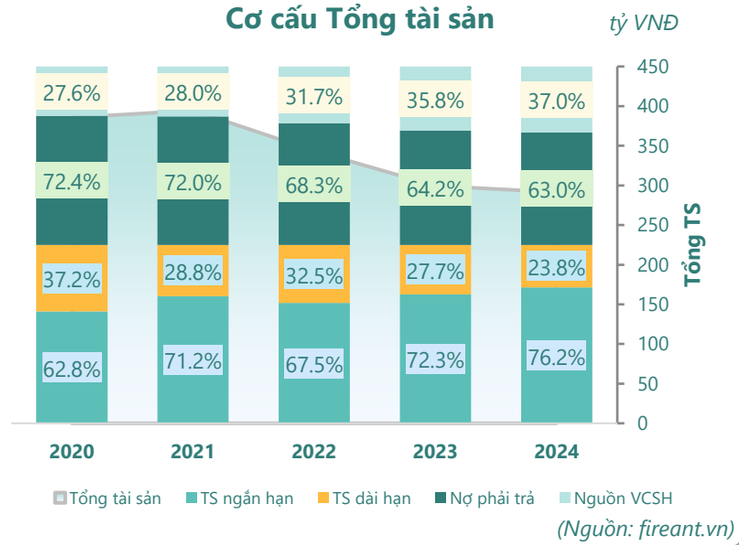
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

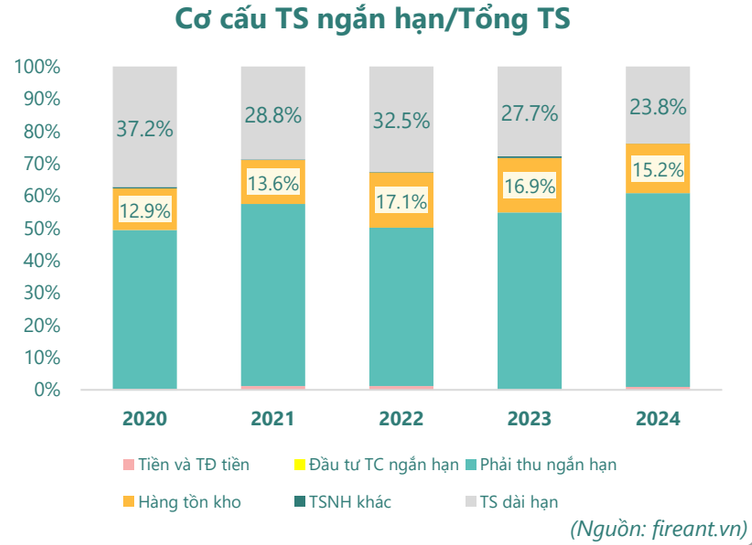
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



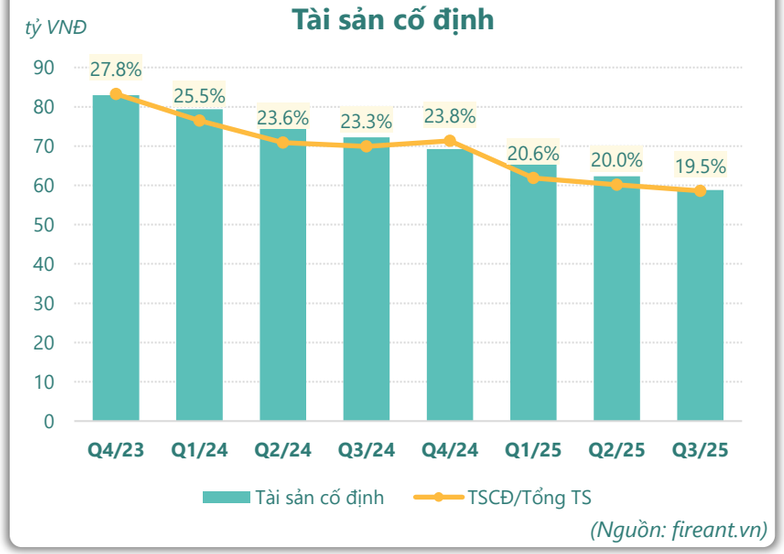
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



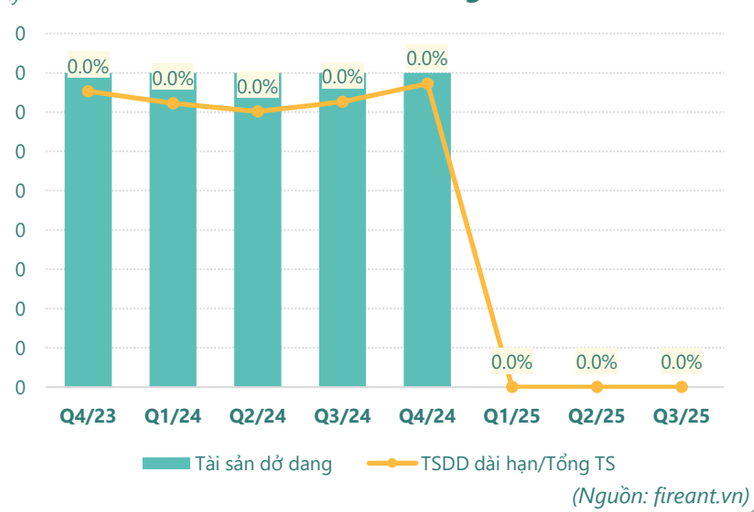
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



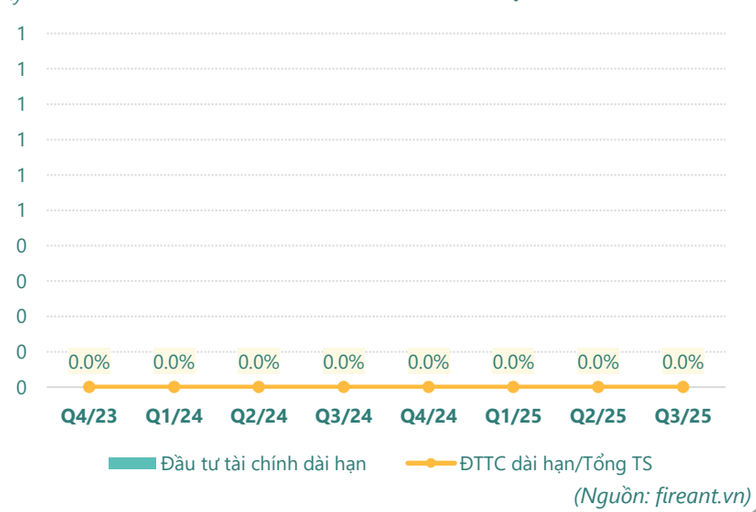
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



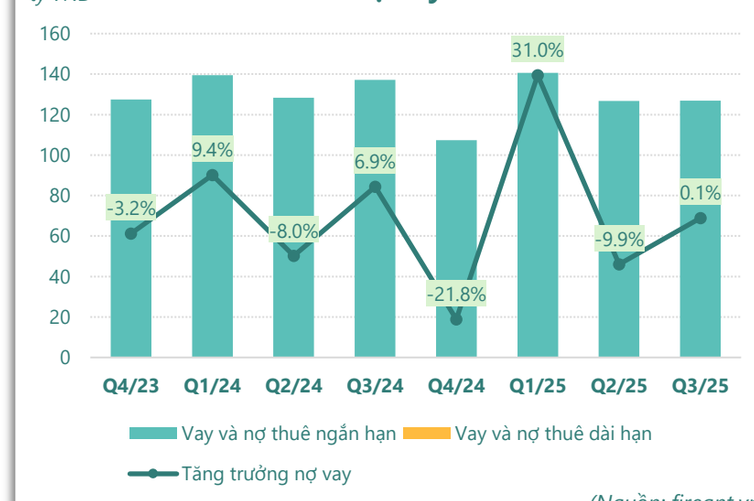
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

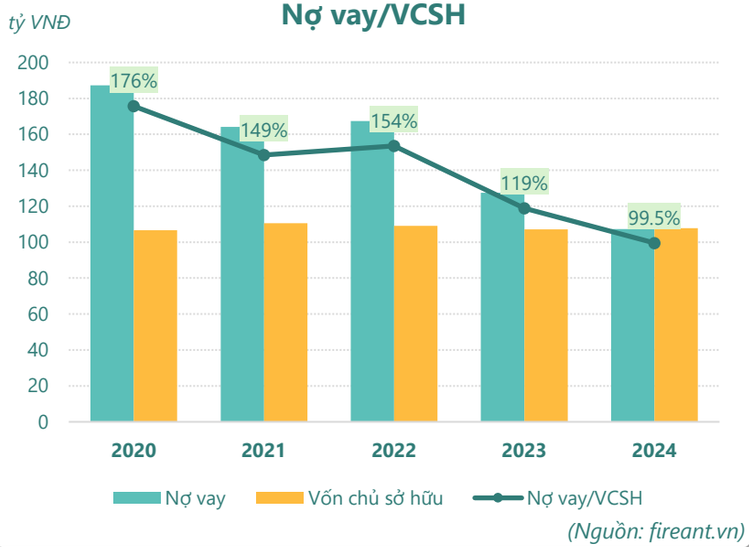
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

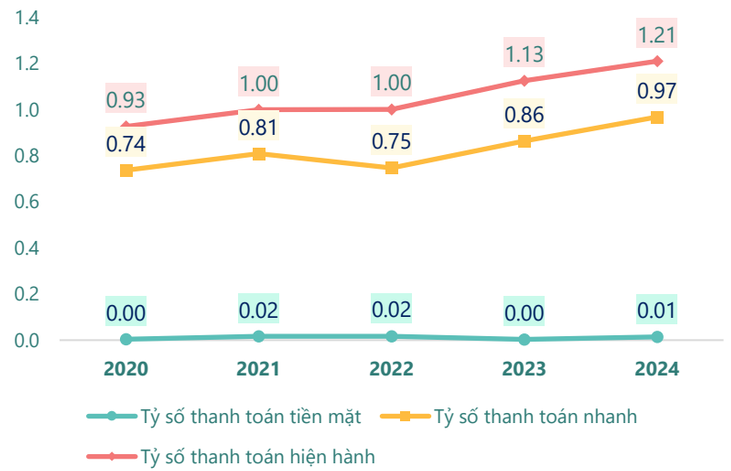
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



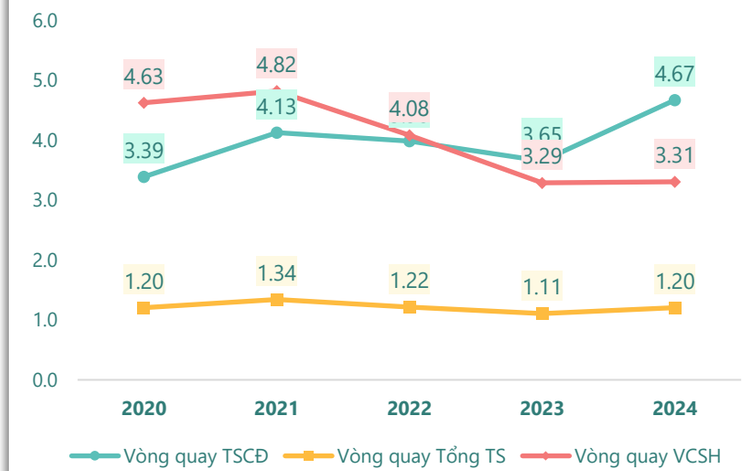
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



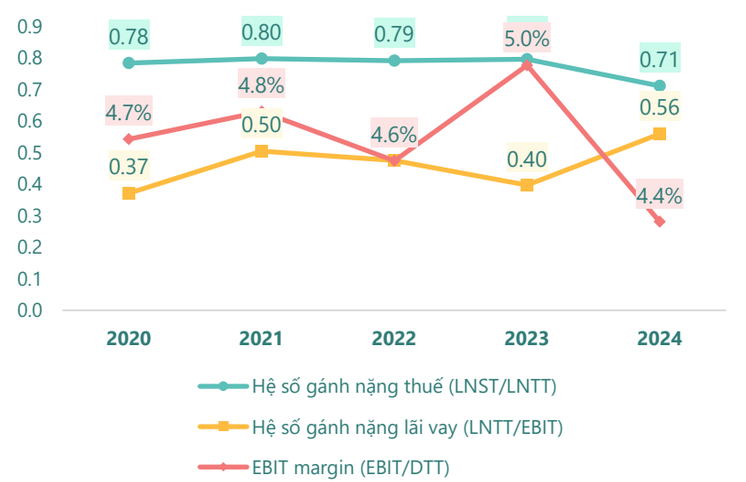
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



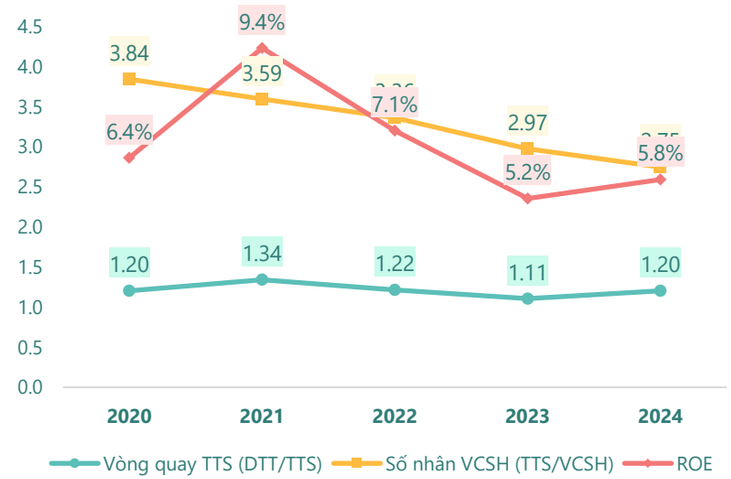
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



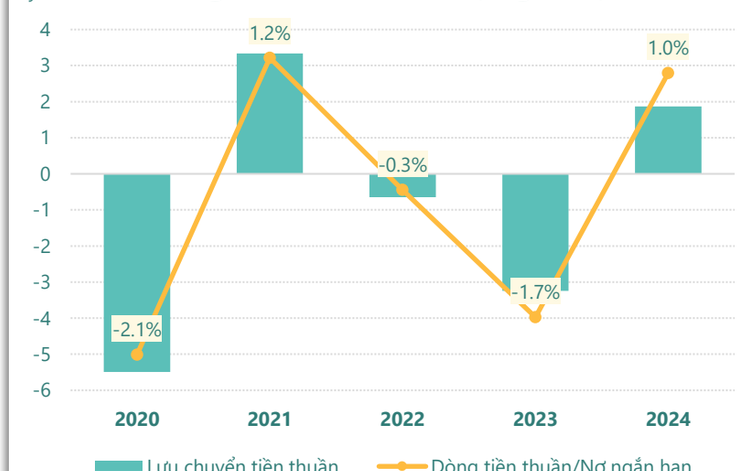
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**122**	**71.1**	**71.1%**	**342**	**248**	**38.0%**
Giá vốn hàng bán	113	65.7	72.2%	317	221	43.6%
Lợi nhuận gộp	8.49	5.39	57.5%	25.1	27.1	-7.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	14.8%
Chi phí TC	1.81	1.61	12.7%	5.17	5.31	-2.6%
Chi phí lãi vay	1.81	1.61	12.7%	5.17	5.31	-2.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.50	1.00	49.6%	4.54	4.60	-1.2%
Chi phí QLDN	**2.90**	**2.05**	**41.5%**	**9.48**	**10.1**	**-6.6%**
LN thuần từ HĐKD	2.28	0.74	208%	5.91	7.07	-16.3%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**-0.30**	**123%**	**0.16**	**-0.26**	**163%**
LN trước thuế	2.35	0.44	434%	6.07	6.81	-10.8%
Lợi nhuận sau thuế	**1.87**	**-0.40**	**567%**	**4.83**	**4.69**	**3.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.87**	**-0.40**	**567%**	**4.83**	**4.69**	**3.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.30	-7.24	35.3	-24.5	8.26	6.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-0.58	0.00	-1.59	-2.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.2	6.33	-32.7	33.3	-13.9	-5.83
Tiền đầu kỳ	3.31	1.42	0.51	2.50	11.3	4.02
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.90**	**-0.91**	**2.00**	**8.75**	**-7.23**	**-1.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.42	0.51	2.50	11.3	4.02	2.26

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**301**	**291**	**3.4%**
Tài sản ngắn hạn	242	222	9.1%
Tiền và tương đương tiền	2.26	2.50	-9.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	195	175	11.9%
Hàng tồn kho	44.3	44.4	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.42	-12.7%
Tài sản dài hạn	**58.8**	**69.2**	**-15.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	58.8	69.2	-15.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	195	183	6.1%
Nợ ngắn hạn	**195**	**183**	**6.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	107	18.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.3	53.9	-10.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**107**	**108**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**107**	**108**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)